

Bản án số: 33/2021/DS-PT

Ngày: 13/01/2021

Về việc: Tranh chấp hợp đồng
giao khoán sửa chữa nhà.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Phượng

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Đức Nam

2. Bà Lê Hải Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Hà – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
525/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng
giao khoán sửa chữa nhà”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 295/2020/DS-ST ngày 17/8/2020 của Tòa
án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5993/2020/QĐ-PT ngày
30/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27092/2020/QĐDS-PT ngày
25/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp Lợi Đức, xã L, huyện L, Tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ tạm trú: Đường 38/10 sân banh Đông Nhì, phường L1, thành phố
TA, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 489A3/19 Ấp 1, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Ông **Trần Văn T** – Nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Ngày 19/5/2019, giữa bên giao khoán bà Nguyễn Thị H và bên nhận giao khoán ông Trần Văn T có thỏa thuận ký Hợp đồng giao khoán sửa chữa phòng trọ. Theo hợp đồng ông T sửa chữa 5 phòng trọ cho bà H tại địa chỉ 489A3/19 Ấp 1, xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng là 90.000.000 đồng và bà H phải tạm ứng 10.000.000 đồng ngay khi ký hợp đồng để ông T mua đồ.

**Tại Đơn khởi kiện ngày 13/8/2019 và Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 17/10/2019 nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:*

Trong quá trình thực hiện, ông đã sửa chữa gần hoàn thiện cho bà H được 02 phòng và 03 phòng còn lại đã lên sắt; xây một số hạng mục, phần công việc này tương ứng với số tiền 48.000.000 đồng, bà H đã trả trước 22.100.000 đồng. Sau đó, bà H yêu cầu ông không tiếp tục sửa chữa nữa và ông có đề nghị bà H nếu đơn phương chấm dứt hợp đồng thì bà H phải trả cho ông số tiền còn lại là 25.900.000 đồng, bà H không đồng ý. Nhận thấy, ngay từ đầu ông với bà H đã thỏa thuận việc sửa chữa cụ thể trong hợp đồng. bà H đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng không trả đủ tiền tương ứng với công việc mà ông đã thực hiện là trái với thỏa thuận của các bên và vi phạm pháp luật. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án buộc bà H:

- Phải trả tiền công tương ứng với công việc ông đã thực hiện theo hợp đồng là 25.900.000 đồng;

- Phải trả tiền lãi do chậm trả số tiền trên, tính từ ngày 01/6/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo mức 075%/tháng, thành tiền là 1.130.000 đồng.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có lời trình bày như sau:*

Trong quá trình thi công, ông T không đảm bảo chất lượng công trình và an toàn lao động nên bà không yêu cầu ông T làm nữa. Về việc thanh toán tiền, bà đã thanh toán cho ông T 32.100.000 đồng, cụ thể: Ngày 19/05/2019 là 10.000.000 đồng; Ngày 25/5/2019 là 15.000.000 đồng và ngày 31/5/2019 là

7.100.000 đồng. Ngoài ra, bà còn thanh toán khoản tiền do ông T thuê giàn giáo và mâm: 1.800.000 đồng; tiền viện phí 3.000.000 đồng do trong quá trình thi công ông T không đảm bảo an toàn công trình đã gây tai nạn cho công nhân.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 295/2020/DS-ST ngày 17/8/2020, Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra bản án còn có phần quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại Đơn kháng cáo ngày 18/8/2020, ông T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Nội dung tuyên án của bản án sơ thẩm không thỏa đáng, không đúng quy định của pháp luật, chưa nhận định phân tích hết các tình tiết liên quan đến vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, và có lời trình bày:

Bà H rất khó, ông làm gì bà cũng không hài lòng nên khi bà không cho ông làm nữa, ông cũng đồng ý và hai bên chấm dứt hợp đồng. Liên quan đến khoản tiền viện phí, bà H nhờ người thợ của ông làm giúp cho bà công việc trên cao và bị té, không liên quan đến ông. Khoản tiền tạm ứng 10.000.000đồng theo hợp đồng, bà H không giao cho ông. Ông đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

* Bị đơn không chấp nhận yêu cầu của ông T và có lời trình bày như sau:

Do trong lúc thi công, ông T không đảm bảo an toàn lao động, đã xảy ra tình trạng người thợ của ông T bị thương phải đi cấp cứu và bà phải trả tiền viện phí. Các khoản tiền bà đã đưa cho ông T như vậy là đã tương xứng với công việc ông đã làm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ đề nghị bác yêu cầu kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Ngày 17/8/2020, Tòa án nhân dân huyện B tuyên án. Ngày 18/8/2020, nguyên đơn thực hiện quyền kháng cáo và đã nộp tiền tạm ứng án phí. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 272; Khoản 1 Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo của nguyên đơn còn trong thời hạn, đơn kháng cáo hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thời hiệu khởi kiện:

Theo Hợp đồng giao khoán đề ngày 19/5/2019, giữa ông T và bà H có thỏa thuận sửa chữa nhà trọ, tại phiên tòa hai bên đều xác nhận việc thỏa thuận này là tự nguyện và cùng thống nhất chấm dứt hợp đồng. Ngày 13/8/2019 ông T có đơn khởi kiện buộc bà H phải thực hiện việc thanh toán khoản tiền còn lại là 25.900.000 đồng được Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết. Đây là giao dịch dân sự thuộc quan hệ tranh chấp “Hợp đồng dân sự”, bị đơn bà H hiện đang cư trú tại huyện B. Thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, vụ việc còn trong thời hiệu khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, xét:

[3.1] Về giá trị phần việc ông T đã làm:

Theo nội dung hợp đồng giao khoán, ông T phải thực hiện việc sửa chữa 5 căn phòng tại địa chỉ 489A3/19 Ấp 1, xã A, huyện B cho bà H và bà H phải trả tiền cho ông T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên đã chấm dứt, ông T chưa thực hiện xong những công việc theo nội dung hợp đồng và hai bên không thỏa thuận việc thanh toán tiền. Ông T cho rằng ông đã thực hiện công việc sửa chữa gần hoàn thiện 02 phòng và 03 phòng đã lên sắt; xây một số hạng mục tính thành tiền là 48.000.000 đồng. Tổng số tiền này do ông T tự tính bà H không đồng ý, ông T không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh các phần việc

đã thi công là 48.000.000đồng. Do đó, không có cơ sở xác định các phần công việc và các hạng mục ông T đã xây tính thành tiền là 48.000.000 đồng.

[3.2] Về các khoản tiền hai bên đã giao nhận:

Ông T xác nhận đã nhận của bà H tổng cộng 22.100.000 đồng, theo bà H trình bày, bà đã giao cho ông T tổng cộng 32.100.000 đồng. Căn cứ các chứng từ do bà H cung cấp thì ông T đã nhận tiền của bà 3 lần, cụ thể: Lần 1, ngay ngày ký hợp đồng 19/5/2019, bà đã ứng 10.000.000 đồng, thực hiện theo hợp đồng; Lần 2, 15.000.000 đồng giao vào ngày 25/5/2019 và lần 3, giao 7.100.000 đồng ngày 31/5/2019. Ông T thừa nhận 2 khoản tiền là 22.100.000 đồng, riêng khoản tiền 10.000.000 đồng ông không thừa nhận. Tại Điều 2 của Hợp đồng giao khoán có ghi “...*Trị giá hợp đồng: 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng chẵn) kí hợp đồng tạm ứng: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng chẵn) để mua đồ...*”. Với nội dung này bà H đã tạm ứng cho ông T khoản tiền 10.000.000 đồng và tiếp theo ngày 25/5/2019 và ngày 31/5/2019 ông T nhận 2 khoản tiền như đã nêu trên.

[4] Do ông T không xuất trình chứng cứ để chứng minh các phần hạng mục ông T đã thực hiện cho bà H thành tiền là 48.000.000 đồng nên không có căn cứ pháp luật để buộc bà H trả cho ông T số tiền còn lại là 25.900.000 đồng cùng với tiền lãi suất do chậm trả. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T và giữ y bản án sơ thẩm.

Đề nghị bác kháng cáo và giữ y bản án sơ thẩm của bị đơn và đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của ông T không được chấp nhận, ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo Khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 272; Khoản 1 Điều 273; Điều 276; Điều 293 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 295/2020/DSST ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0079976 ngày 19 năm 8 tháng 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Ông Trần Văn T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Phụng